

Số: 272/QĐ-CĐNKTCN

Hà Nội, 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy chế đào tạo theo niên chế trường cao đẳng nghề KTCN”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Căn cứ vào Quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-LĐTBXH ngày 11/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ điều kiện thực tế triển khai công tác đào tạo giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế đào tạo theo niên chế trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ**”.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng từ năm học 2017 – 2018 cho 2 cấp trình độ trung cấp và cao đẳng, đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp xây dựng theo niên chế của trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG 

Nguyễn Đức Thọ

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

QUY CHẾ ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Hà Nội, tháng 9/2017

QUY CHẾ ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 272/2017/QĐ-CĐNKTCN - ĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng hệ chính quy về tổ chức đào tạo theo niên chế; kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học/ mô đun; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh, sinh viên các khóa đào tạo giáo dục nghề nghiệp hệ chính quy ở trình độ trung cấp và cao đẳng trong trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ (sau đây gọi tắt là Trường), thực hiện đào tạo theo niên chế.

Điều 2. Chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp

1. Chương trình giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, mô đun, nghề đào tạo và trình độ đào tạo.
2. Chương trình được Trường xây dựng trên cơ sở thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội. Mỗi chương trình tương ứng với một nghề đào tạo ở một trình độ đào tạo cụ thể.
3. Chương trình được cấu trúc từ các môn học/ mô đun thuộc ba khối kiến thức: các môn học chung, các môn học/mô đun kỹ thuật cơ sở và các môn học/ mô đun chuyên môn nghề nghiệp.

Điều 3. Thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong chương trình

1. Thời gian khóa học được tính theo từng năm học, kỳ học và theo tuần.
 - a) Thời gian khóa học đối với trình độ cao đẳng từ 2 đến 2,5 năm tùy nghề cho người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo từng nghề đào tạo là 60 tín chỉ; Thời gian khóa học đối với trình độ trung cấp từ 1 đến 1,5 năm học tùy nghề và phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo từng nghề đào tạo là 35 tín chỉ; Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở

nếu có nguyện vọng tiếp tục học lên trình độ cao đẳng thì phải học thêm nội dung văn hóa phổ thông 4 môn: Toán, Lý, Hóa, Văn với thời lượng tối thiểu 15 tín chỉ.

b) Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học và thời gian thi kết thúc môn học, mô đun, thời gian ôn và thi tốt nghiệp. Trong đó, thời gian thực học là thời gian học sinh, sinh viên nghe giảng trên lớp, thời gian thực tập hoặc học theo phương pháp tích hợp giữa lý thuyết và thực hành tại các xưởng chuyên môn.

c) Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, nghỉ lễ, tết, lao động và dự phòng.

d) Thời gian học lý thuyết và thời gian thực hành, thực tập của các nghề phải đảm bảo tỉ lệ: Lý thuyết: 25% - 30%; Thực hành và thực tập: 70% - 75%.

2. Đơn vị thời gian trong chương trình

Thời gian học tập tính theo giờ và được quy đổi ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu đối với từng cấp trình độ đào tạo. Đơn vị thời gian trong chương trình được tính quy đổi như sau:

a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15h học lý thuyết và 30h tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30h thực hành, thảo luận và 15h tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45h thực tập nghề nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở sản xuất ngoài trường, làm tiểu luận, bài tập lớn, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

b) Mỗi giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; mỗi giờ học lý thuyết là 45 phút.

c) Một ngày học thực hành/ tích hợp không quá 8h; mỗi ngày học lý thuyết không quá 6h.

d) Mỗi tuần học không quá 40h thực hành/tích hợp hoặc 30h

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian, kế hoạch đào tạo và địa điểm đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học và năm học.

a) Khóa học là thời gian để học sinh, sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 1 tuần thi kết thúc môn học, mô đun. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để học sinh, sinh viên có các môn học, mô đun bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại, thi lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 4 tuần thực học và một tuần thi kết thúc môn học, mô đun.

2. Kế hoạch đào tạo

a) Căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng quy định của chương trình, hiệu trưởng phân bổ số môn học, mô đun cho từng năm học, kỳ học.

b) Trước khi bắt đầu một khóa học, năm học, học kỳ, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học phải thể hiện các nội dung sau: nghề đào tạo, trình độ đào tạo, đối tượng tuyển sinh, mục tiêu đào tạo, niên khóa, thời gian khóa học, thời gian học tập, thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè, dự phòng, Quyết định phê duyệt khóa học, phân bổ thời gian, chương trình môn học, mô đun trong từng kỳ học, các môn thi tốt nghiệp, hình thức và thời gian thi.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các môn học, mô đun trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu môn học, mô đun thứ nhất đến khi hoàn thành môn học, mô đun cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp hoặc hoàn thành chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

a) Thời gian tối đa để học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình không vượt quá 3 lần thời gian thiết kế cho trình độ trung cấp và không vượt quá 2 lần thời gian thiết kế cho trình độ cao đẳng tùy nghề quy định tại điểm a khoản 1 điều 3 của Quy chế này.

b) Học sinh, sinh viên học cùng lúc hai chương trình, thời gian tối đa để hoàn thành hai chương trình bằng thời gian tối đa lớn nhất để hoàn thành một trong hai chương trình và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất.

4. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại trường hoặc các cơ sở liên kết ngoài trường; nội dung của mô đun thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp được thực hiện ngoài trường tại các cơ sở sản xuất hoặc thay bằng các bài tập lớn, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp tại trường do Hiệu trưởng quyết định.

Việc thi kết thúc môn học lý thuyết, thi tốt nghiệp môn lý thuyết phải được thực hiện tại trường hoặc các cơ sở liên kết đào tạo; việc thi kết thúc môn học, mô đun có cả lý thuyết và thực hành, thực tập chuyên môn, thực tập tốt nghiệp, thi tốt

nghiệp môn thực hành chỉ được thực hiện ngoài trường tại các cơ sở sản xuất trong trường hợp Trường không đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện tại trường.

Điều 5. Đăng ký nhập học, tổ chức lớp học

1. Khi đăng ký nhập học, người học phải nộp các giấy tờ theo quy định hiện hành. Tất cả giấy tờ khi người học nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Công tác học sinh, sinh viên trong suốt khóa học. Hồ sơ này người học sẽ nhận lại vào cuối khóa học cùng với bằng tốt nghiệp và bảng kết quả học tập.
2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là học sinh, sinh viên chính thức và biên chế vào các lớp, nghề tương ứng, đồng thời cấp cho họ thẻ học sinh, sinh viên.
3. Trường phải tổ chức học chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên mới nhập học nhằm cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến khóa học gồm: mục tiêu đào tạo, nội dung và kế hoạch học tập, quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên, quyền và nghĩa vụ của người học.
4. Học sinh, sinh viên sau khi nhập học được xếp vào các lớp theo nghề. Lớp học được giữ ổn định từ đầu đến cuối khóa học học nhằm duy trì các hoạt động học tập, sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa thể thao và để quản lý học sinh, sinh viên trong suốt quá trình đào tạo.

Điều 6. Chuyển trường, chuyển nghề đào tạo và học cùng lúc hai chương trình

1. Chuyển trường: Học sinh, sinh viên chuyển trường theo nhu cầu cá nhân, việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Trong đó, hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho học sinh, sinh viên chuyển đi học ở một trường khác khi họ đảm bảo các yêu cầu sau:
 - a) Có đơn đề nghị chuyển trường;
 - b) Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - c) Đã hoàn thành ít nhất một học kỳ tại trường nơi chuyển đi nhưng không vào học kỳ cuối cùng của khóa học;
 - d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến, học sinh sinh viên phải học đúng nghề đang học tại trường nơi chuyển đi và có cùng hình thức đào tạo.
- 1.1. Hiệu trưởng trường có học sinh, sinh viên xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, công nhận hoặc không công nhận kết quả học tập của học

sinh, sinh viên ở trường nơi chuyển đến.

1.2. Thời gian tối đa cho học sinh sinh viên chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

2. Người học được chuyển nghề đang học sang học một nghề khác của trường nếu đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Người học có đơn xin chuyển đổi nghề đào tạo;

b) Nghề dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của nghề đang học;

c) Người học khi đã được chuyển đổi sang nghề khác thì phải dừng học nghề trước khi chuyển đổi;

d) Việc chuyển đổi nghề phải hoàn thành trong vòng 4 tuần khi bắt đầu thực hiện học kỳ đầu tiên của khóa học;

3. Học cùng lúc hai chương trình: Học sinh, sinh viên được phép học cùng lúc 2 chương trình khi đủ các điều kiện sau:

a) Có đơn đề nghị học cùng lúc 2 chương trình;

b) Đã học xong học kỳ I đối với chương trình trung cấp, đã học xong năm thứ nhất đối với chương trình cao đẳng. Trong đó, xếp loại kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành chương trình thứ nhất tính đến thời điểm xét học cùng lúc 2 chương trình phải đạt từ loại khá trở lên;

c) Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.1. Học sinh, sinh viên thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.

3.2. Học sinh, sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

3.3. Thời gian để người học hoàn thành 2 chương trình được quy định tại điểm c, khoản 3, điều 4 của Quy chế này.

Điều 7. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

1. Việc miễn, giảm, tạm hoãn học môn học, mô đun Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

2. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô đun, môn thi tốt nghiệp trong chương trình của trường trong trường hợp học sinh, sinh viên đã được công nhận tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương, trong đó các môn học, mô đun hoặc các

môn thi tốt nghiệp có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với môn học, mô đun, môn thi tốt nghiệp trong chương trình của Trường.

3. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô đun, môn thi tốt nghiệp đối với môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

4. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học ngoại ngữ thuộc các môn học chung trong trường hợp học sinh, sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tin học thuộc các môn học chung trong trường hợp học sinh, sinh viên có chứng chỉ tin học IC3.

6. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc các môn học chung trong trường hợp học sinh, sinh viên là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; người học trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên.

7. Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được xem xét miễn, giảm học một số môn học, mô đun hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

8. Bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập

a) Học sinh, sinh viên được bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập các môn học, mô đun đạt yêu cầu từ chương trình đào tạo của trường hoặc của trường nơi chuyển đi trong trường hợp chuyển trường, của một trong hai trường thực hiện liên kết đào tạo trong trường hợp học cùng lúc hai chương trình;

b) Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm.

9. Học sinh, sinh viên có nhu cầu miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

Điều 8. Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo

Hiệu trưởng phân công các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm lập hồ sơ và quản lý hồ sơ, tài liệu; bảo quản, hủy hồ sơ, tài liệu liên quan đến đào tạo theo quy định hiện hành của pháp luật. Trong đó, một số hồ sơ, tài liệu và thời hạn lưu trữ bảo đảm yêu cầu dưới đây:

1. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ vĩnh viễn

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; văn bản của trường phê duyệt, ban

hành sửa đổi, bổ sung chương trình; hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định quản lý đào tạo;

b) Văn bản phê duyệt danh sách người trúng tuyển, văn bản phê duyệt danh sách học sinh, sinh viên nhập học hoặc phân lớp;

c) Bảng tổng hợp kết quả của học sinh, sinh viên theo học kỳ, năm học, khóa học;

d) Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên các lớp, các khóa đào tạo; quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; danh sách học sinh, sinh viên dự thi và kết quả của từng môn thi, phiếu nộp bài thi có chữ ký của học sinh, sinh viên; biên bản họp của các hội đồng; quyết định của hiệu trưởng về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên;

e) Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp;

f) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, tiến độ năm học, học kỳ; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bảo lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi các cơ quan quản lý cấp trên;

g) Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh, sinh viên;

h) Hồ sơ liên kết đào tạo trong và ngoài nước, đào tạo theo đơn đặt hàng;

i) Hồ sơ kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo của trường; hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc theo dõi và đảm bảo chất lượng đào tạo;

k) Hồ sơ, tài liệu hoạt động của hội đồng về đào tạo của trường.

2. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên:

a) Hồ sơ giảng dạy của giáo viên: giáo án, sổ tay giáo viên, đề cương bài giảng, lịch trình giảng dạy;

b) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun: kế hoạch thi, lịch thi, các biên bản họp về thi kết thúc môn học, mô đun, danh sách học sinh, sinh viên dự thi và kết quả từng môn thi, phiếu nộp bài thi có chữ ký của học sinh, sinh viên và cán bộ coi thi, kết quả thi kết thúc môn học, mô đun;

c) Bảng điểm của từng môn học, mô đun của học sinh, sinh viên bao gồm điểm kiểm tra, điểm môn học, mô đun có chữ ký của giáo viên giảng dạy và phòng đảm bảo chất lượng;

d) Hồ sơ, công văn trao đổi về công tác đào tạo.

3. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 5 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên:

a) Hồ sơ về công tác tổ chức chấm phúc khảo các bài thi kết thúc môn học, mô đun,

thi tốt nghiệp;

b) Sổ lên lớp.

4. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 1 năm kể từ ngày hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên:

a) Đề cương hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp; các biên bản về lựa chọn đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi tốt nghiệp; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi tốt nghiệp;

b) Thời khóa biểu và kế hoạch giáo viên.

5. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất đến thời điểm khóa học kết thúc: đề cương hướng dẫn ôn thi kết thúc môn học, mô đun; các biên bản bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi kết thúc môn học, mô đun; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun.

Chương III **KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN**

Điều 9. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết với thời gian từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô đun cụ thể được thực hiện theo quy định (tối thiểu 15h lý thuyết hoặc 30h thực hành/ tích hợp có 1 bài kiểm tra định kỳ) đảm bảo một môn học, mô đun có ít nhất 1 điểm kiểm tra thường xuyên và 1 điểm kiểm tra định kỳ.

2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

a) Tùy mối liên quan giữa các môn học, mô đun, hiệu trưởng quyết định chọn một

trong 2 hình thức thi kết thúc môn học, mô đun, cụ thể:

- Các môn học, mô đun là tiền đề, điều kiện bắt buộc của môn học, mô đun tiếp theo sẽ tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun đó trước khi thực hiện môn học, mô đun tiếp theo.

- Các môn học chung và các môn học, mô đun mang tính chất hỗ trợ tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào cuối học kỳ của 2 học kỳ chính trong năm.

- Kỳ thi phụ được tổ chức cho những học sinh, sinh viên chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm tổng kết chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ (nếu có) được lập kế hoạch riêng và được công bố trước 4 tuần trước khi thực hiện;

b) Hình thức thi: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

c) Thời gian thi: từ 60 đến 120 đối với hình thức thi viết, thi thực hành/ tích hợp từ 3h đến 8h tùy từng mô đun;

d) Lịch thi của 2 kỳ thi chính trong năm được công bố ít nhất 4 tuần trước khi thi, lịch thi của kỳ thi phụ được công bố ít nhất 1 tuần trước khi thi;

e) Thời gian ôn: tỉ lệ thuận với số giờ của môn học, mô đun, đảm bảo ít nhất $\frac{1}{2}$ ngày ôn thi cho 15h học lý thuyết trên lớp, 30h học thực hành/tích hợp; tất cả các môn học, mô đun phải có đề cương ôn và giáo viên hướng dẫn ôn;

g) Danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện dự thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi được công bố công khai trước ngày thi từ 1 – 2 ngày làm việc;

h) Đối với hình thức thi viết: mỗi phòng thi không bố trí quá 50 học sinh, sinh viên, do 2 giáo viên coi thi, học sinh, sinh viên được đánh số báo danh; Đối với thi thực hành/tích hợp: tối thiểu 2 giáo viên coi thi, học sinh, sinh viên bốc thăm đề và vị trí thi, mỗi ca thi không quá 8h/ngày và 40h/tuần;

i) Học sinh, sinh viên phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi bằng biên bản;

k) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô đun.

Điều 10. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun và thi lại

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun

a) Học sinh, sinh viên được dự thi kết thúc môn học, mô đun khi bảo đảm các điều

kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun;
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;
- Còn số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun theo quy định.

b) Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định được ưu tiên điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun nhưng phải đảm bảo điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun

- a) Học sinh, sinh viên được dự thi kết thúc môn học, mô đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ;
- b) Học sinh, sinh viên vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

3. Học và thi lại

a) Học sinh, sinh viên phải học và thi lại môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;
- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun nhưng điểm môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu;

b) Học sinh, sinh viên thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, mô đun lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều này mới được dự thi kết thúc môn học, mô đun;

c) Trường hợp không còn môn học, mô đun do điều chỉnh chương trình thì hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của nghề đào tạo.

Điều 11. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô đun

1. Nội dung đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô đun đã quy định trong chương trình;

b) Nhà trường phải xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc môn học, mô đun của tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi và phải được hiệu trưởng phê duyệt trước khi thi;

c) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật do hiệu trưởng quyết định.

2. Chấm thi

a) Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô đun phải do ít nhất 2 giáo viên chấm thi, cho điểm độc lập và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của người dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do hiệu trưởng quy định;

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi mà chưa thống nhất được điểm thì trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, quyết định và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c) Bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên dụng và việc chấm phúc khảo do hiệu trưởng quy định cụ thể và tổ chức thực hiện.

3. Trường hợp học sinh, sinh viên không đủ điều kiện dự thi phải nhận điểm 0 cho lần thi đó.

4. Công bố điểm thi

a) Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho học sinh, sinh viên biết ngay sau khi chấm;

b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho học sinh, sinh viên biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ khi thi xong.

5. Tổ chức thi và hồ sơ liên quan đến thi kết thúc môn học mô đun do phòng đảm bảo chất lượng thực hiện và lưu trữ theo quy định.

Điều 12. Cách tính điểm môn học, mô đun, điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm môn học, mô đun

a) Điểm môn học, mô đun bao gồm điểm trung bình chung các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình chung các bài kiểm tra là điểm trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trọng đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên.

2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học

a) Công thức tính:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/ khóa học;
- + i: là số thứ tự môn học, mô đun;
- + a_i: là điểm của môn học, mô đun thứ i;
- + n_i: là số tín chỉ của môn học, mô đun thứ i;
- + n: là tổng số môn học, mô đun trong học kỳ/năm học/khóa học.

b) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học bao gồm cả điểm môn học, mô đun được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, mô đun được miễn trừ và môn học điều kiện;

c) Trường hợp học sinh, sinh viên được tạm hoãn học môn học, mô đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô đun đó trong thời gian được tạm hoãn.

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi kỳ học, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô đun có điểm cao nhất.

4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

5. Xếp loại kết quả học tập:

Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, học sinh, sinh viên được xếp loại về học lực như sau:

a) Xếp loại kết quả học tập của học sinh, sinh viên theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học trong học kỳ, năm học theo thang điểm 10 của học sinh, sinh viên đó, cụ thể:

- Từ 9,0 đến 10: Xuất sắc;
- Từ 8,0 đến 8,9: Giỏi;
- Từ 7,0 đến 7,9: Khá;
- Từ 6,0 đến 6,9: Trung bình khá;

- Từ 5,0 đến 5,9: Trung bình;
- Thấp hơn hoặc bằng 4,9: Yếu.

b) Học sinh, sinh viên có điểm loại Giỏi trở lên bị hạn xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;
 - Có một môn học hoặc một mô đun trở lên trong học kỳ hoặc năm học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô đun được tạm hoãn học hoặc miễn trừ).
- c) Kết quả học tập trong học kỳ phụ (nếu có) được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại học sinh, sinh viên về học lực.

Điều 13. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học

1. Học sinh, sinh viên học chương trình có thời gian đào tạo từ 1,5 năm trở lên, kết thúc mỗi năm học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì buộc phải điều chỉnh tiến độ học và phải hoàn thành tất cả các môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu mới được xem xét, cho phép học tiếp các môn học, mô đun mới:

- a) Có điểm trung bình chung năm học từ 4,0 đến 4,9 theo thang điểm 10;
- b) Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật có điểm trung bình chung năm học dưới 4,0.

Thời gian điều chỉnh tiến độ học được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

2. Học sinh, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kết thúc mỗi năm học có điểm trung bình trung năm học dưới 4,0;
- b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình hoặc đã hết số lần dự thi tốt nghiệp nhưng điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp chưa đạt yêu cầu;
- c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Tự thôi học

Học sinh, sinh viên không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị nhà trường cho thôi học:

- a) Học sinh, sinh viên tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;
- b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận;

Chương IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 14. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Kế hoạch thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất 5 tuần.

2. Nội dung và thời gian thi tốt nghiệp

a) Thi môn Chính trị

Thi môn Chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian 90 phút ở trình độ trung cấp, 120 phút ở trình độ cao đẳng hoặc thi trắc nghiệm với thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

b) Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

c) Thi môn Thực hành nghề nghiệp

Thi môn Thực hành nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần sản phẩm hoặc một sản phẩm, dịch vụ, công việc. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8h/ngày; thời gian thi cụ thể đối với từng nghề do hiệu trưởng quy định.

3. Hội đồng thi tốt nghiệp

a) Thành lập hội đồng thi tốt nghiệp

Hội đồng thi tốt nghiệp do hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc trưởng phòng đào tạo hoặc trưởng phòng đảm bảo chất lượng;
- Thư ký hội đồng là trưởng phòng đào tạo/ trưởng phòng đảm bảo chất lượng hoặc phó trưởng phòng đào tạo/ phó trưởng phòng đảm bảo chất lượng;
- Các ủy viên: gồm các trưởng khoa chuyên môn có học sinh, sinh viên thi tốt nghiệp hoặc các chuyên gia đến từ các cơ sở sản xuất ngoài trường;
- Những người là người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) của học sinh, sinh viên tham gia thi tốt nghiệp không được tham gia hội đồng và không được thực hiện nhiệm vụ trong các ban ra đề thi, chấm thi liên quan đến học sinh, sinh viên đó;
- Số lượng thành viên trong hội đồng ít nhất là 5 người.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn

- Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Chủ tịch hội đồng ra quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng, bao gồm: ban thư ký, ban đề thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; ngoài ra, chủ tịch hội đồng có thể ra quyết định thành lập các ban giúp việc khác;
- Thành phần của một ban giúp việc gồm trưởng ban và ủy viên, trong đó trưởng ban do một thành viên trong hội đồng kiêm nhiệm, các ủy viên khác không bắt buộc phải là thành viên hội đồng;
- Mỗi ban giúp việc có thể được tổ chức thành các tiểu ban, thành phần của mỗi tiểu ban gồm trưởng tiểu ban và ủy viên;
- Các thành viên của ban đề thi, ban chấm chi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp là giáo viên đủ tiêu chuẩn về giáo viên, giảng viên trong giáo dục nghề nghiệp hoặc các chuyên gia của các doanh nghiệp đã tốt nghiệp đại học về ngành, nghề đào tạo phù hợp với nội dung thi, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức xét và trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện, dự bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo quy định; được sử dụng con dấu của trường để thực hiện nhiệm vụ;
- Xây dựng, trình hiệu trưởng quyết định nội quy thi, quy trình chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo và xử lý điểm sau phúc khảo; xây dựng đề cương ôn tập thi tốt nghiệp, đề thi và các tài liệu khác liên quan đến kỳ thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp trình hiệu trưởng phê duyệt;
- Bảo mật đề thi theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức công tác coi thi, kiểm tra giám sát thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo; xử lý hoặc đề xuất với hiệu trưởng xử lý các trường hợp vi phạm quy chế thi, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi;
- Xét điều kiện tốt nghiệp cho người học theo quy định;
- Trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp;
- Báo cáo các vấn đề liên quan đến kỳ thi theo quy định của hiệu trưởng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật.

4. Ra đề thi, coi thi, chấm thi

- a) Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi và ít nhất một bộ đề thi dự bị tương đương về nội dung kiến thức và cùng thời gian làm bài thi đối với môn Chính trị và môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp;
- b) Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0;
- c) Điểm đáp án của đề thi thực hành, tích hợp theo thang điểm khác thang điểm 10 được chia nhỏ theo ý không quá 0,5 điểm; khi quy đổi về thang điểm 10, điểm lẻ

lấy 1 chữ số phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất;

d) Việc coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo, công bố điểm thi.

- Coi thi:

+ Đối với hình thức thi viết: mỗi phòng thi không bố trí quá 50 học sinh, sinh viên, do 2 giáo viên coi thi, học sinh, sinh viên được đánh số báo danh; Đối với thi thực hành/tích hợp: tối thiểu 2 giáo viên coi thi, học sinh, sinh viên bốc thăm đề và vị trí thi, mỗi ca thi không quá 8h/ngày và 40h/tuần;

+ Học sinh, sinh viên phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi bằng biên bản.

- Chấm thi

+ Mỗi bài thi phải do ít nhất 2 giáo viên chấm thi, cho điểm độc lập và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của người dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do hiệu trưởng quy định;

+ Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi mà chưa thống nhất được điểm thì trường ban chấm thi xem xét, trình hiệu trưởng quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

+ Bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên dụng và việc chấm phúc khảo do hiệu trưởng quy định cụ thể và tổ chức thực hiện.

- Công bố điểm thi

+ Điểm thi theo hình thức vấn đáp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận phải được công bố cho học sinh, sinh viên biết ngay buổi thi hoặc bảo vệ;

+ Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho học sinh, sinh viên biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ khi thi xong.

5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

a) Ban chấm một chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (sau đây gọi là ban chấm) có từ 3 đến 5 thành viên gồm: trưởng ban, thư ký và ủy viên. Giáo viên hướng dẫn có thể tham gia hoặc không tham gia; nếu không tham gia ban chấm thì cho điểm đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp vào một phiếu kín và gửi cho ban chấm; nếu tham gia ban chấm thì cho điểm vào 2 phiếu kín (1 phiếu với tư cách người hướng dẫn, 1 phiếu với tư cách thành viên ban chấm);

b) Ban chấm chỉ họp khi có mặt từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt;

c) Ban chấm cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (điểm lẻ lấy 1 chữ số phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất);

d) Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp ghi theo mẫu và lưu theo quy định;

e) Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sau khi bảo vệ được chỉnh sửa theo ý kiến của ban chấm được đóng thành 3 quyển: 1 bản nộp về khoa chuyên môn; 01 bản nộp về phòng đào tạo và 01 bản nộp thư viện trường.

6. Hồ sơ liên quan đến công tác thi tốt nghiệp và bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được lưu trữ tại phòng đào tạo.

Điều 15. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp

1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp: Học sinh, sinh viên được dự thi tốt nghiệp khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Điểm tổng kết các môn học, mô đun trong chương trình đạt từ 5,0 trở lên;

b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Còn số lần và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định;

d) Học sinh, sinh viên không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu vẫn còn quỹ thời gian để hoàn thành các môn học, mô đun trong chương trình theo quy định thì được xem xét, cho phép hoàn thành các môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

e) Học sinh, sinh viên không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

f) Trường hợp học sinh, sinh viên có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đó.

2. Số lần dự thi tốt nghiệp

a) Học sinh, sinh viên dự thi có môn thi tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên thì

không được dự thi lại môn thi tốt nghiệp đó, nếu dưới 5,0 điểm thì được dự thi lại môn thi đó không quá 3 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Thi lại lần thứ nhất cho học sinh, sinh viên có môn thi chưa đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp; thời gian thi lại lần 2 và lần 3 do hiệu trưởng quy định;

c) Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định, nếu có môn thi tốt nghiệp dưới 5,0 điểm thì được xem xét, ưu tiên số lần dự thi lại môn thi tốt nghiệp đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;

d) Học sinh, sinh viên vắng mặt ở môn thi nào nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và vẫn tính số lần dự thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được hiệu trưởng xem xét, bố trí dự thi môn thi đó ở kỳ thi tốt nghiệp khác và chưa tính số lần dự thi, đồng thời phải bảo đảm trong quỹ thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình.

Điều 16. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ và được quy định trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Điều kiện được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a) Có kết quả học tập của kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 của chương trình 2 năm xếp loại từ khá trở lên; có kết quả học tập của kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3, kỳ 4 của chương trình 2,5 năm xếp loại từ khá trở lên;

b) Không có một môn học, môn mô đun trở lên trong chương trình phải học và thi lại;

c) Không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập tại trường.

3. Phân công hướng dẫn và duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

a) Hiệu trưởng ra quyết định phân công giáo viên hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của phòng Đào tạo;

b) Tiêu chuẩn giáo viên hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học; có trách nhiệm với việc hướng dẫn sinh viên;

c) Số lượng chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp giao cho giáo viên hướng dẫn được giới hạn ở mức cao nhất của một khóa học như sau: kỹ sư, cử nhân: 3 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; thạc sĩ: 4 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; tiến sĩ: 5 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

d) Giáo viên hướng dẫn cùng với sinh viên xác định chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp gửi về phòng đào tạo; phòng Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp trình hiệu trưởng ra quyết định duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

4. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đủ tiêu chuẩn được bảo vệ

a) Hình thức: bảo vệ trước ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

b) Nội dung: được giáo viên hướng dẫn xác nhận bằng văn bản đảm bảo nội dung đạt yêu cầu và đề nghị cho bảo vệ; nếu nội dung không đạt yêu cầu, cần đề nghị gia hạn cho sinh viên hoặc cho sinh viên chuyển sang dự thi tốt nghiệp (nếu kịp thời gian ôn tập và thi);

c) Văn bản đề nghị cho sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giáo viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho ban chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.

5. Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ.

6. Hiệu trưởng quy định việc bảo vệ lại hoặc cho sinh viên chuyển sang thi tốt nghiệp đối với các trường hợp sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không đạt yêu cầu.

Điều 17. Điều kiện tốt nghiệp

1. Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

b) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;

d) Trường hợp học sinh, sinh viên có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đó.

2. Trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

3. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc kết thúc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt

nghiệp cho học sinh, sinh viên. Chậm nhất sau 5 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên, hội đồng xét tốt nghiệp phải trình hiệu trưởng danh sách học sinh, sinh viên có đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

4. Trên cơ sở đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, chậm nhất sau 3 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị, hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 18. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

1. Đối với học sinh, sinh viên dự thi tốt nghiệp, điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = (3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT})/6$$

Trong đó:

- + $Đ_{TN}$: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp;
- + $Đ_{TB}$: điểm trung bình chung toàn khóa học;
- + $Đ_{TNTH}$: điểm thi môn Thực hành nghề nghiệp;
- + $Đ_{TNLT}$: điểm thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp.

2. Đối với sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = (3.Đ_{TB} + 2.Đ_{CD})/5$$

Trong đó: $Đ_{CD}$: điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Xếp loại tốt nghiệp của học sinh, sinh viên được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau:

- a) Loại xuất sắc: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;
- b) Loại giỏi: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến 8,9;
- c) Loại khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến 7,9;
- d) Loại trung bình khá: xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến 6,9;
- e) Loại trung bình: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến 5,9.

4. Học sinh, sinh viên có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp nào phải thi lại hoặc không phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có một môn học hoặc mô đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môn điều kiện; môn học, mô đun được miễn trừ);
- b) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường.

5. Học sinh, sinh viên phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận

tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp như sau:

a) Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại một lần thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;

b) Có 02 môn thi tốt nghiệp phải thi lại một lần hoặc có một môn thi tốt nghiệp phải thi lại hai lần hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình khá;

c) Học sinh, sinh viên phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b của khoản này thì xếp loại tốt nghiệp loại trung bình.

Điều 19. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp

1. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập

a) Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (nếu học sinh, sinh viên có đơn đề nghị) trước khi cấp bằng tốt nghiệp;

b) Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp được hiệu trưởng cấp bảng điểm theo từng môn học, mô đun cho toàn khóa học. Trong đó ghi rõ nghề đào tạo, hình thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có);

c) Bảng điểm được cấp sau khi học sinh, sinh viên có quyết định công nhận tốt nghiệp, muộn nhất trong ngày trao bằng tốt nghiệp;

d) Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô đun đã học trong chương trình của trường, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do học sinh, sinh viên chưa được công nhận tốt nghiệp.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Xử lý học sinh, sinh viên vi phạm về thi, kiểm tra

1. Học sinh, sinh viên thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai; trường hợp tổ chức thi, kiểm tra hộ sẽ bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ nhất.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý học sinh, sinh viên vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp được thực hiện như sau:

a) Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với học sinh, sinh viên phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với học sinh, sinh viên khác trong giờ kiểm tra, thi;

b) Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với học sinh, sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó;

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho học sinh, sinh viên khác;

- Chép bài kiểm tra, bài thi của học sinh, sinh viên khác; những bài kiểm tra, bài thi đã có kết luận giống nhau thì xử lý như nhau, nếu học sinh, sinh viên bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị sao chép trước khi nộp bài thì được xem xét, giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách, nếu bị sao chép sau khi nộp bài thì không bị xử lý.

c) Đình chỉ làm bài và nhận điểm 0 cho bài kiểm tra, bài thi: áp dụng đối với học sinh, sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó;

- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép đem vào phòng thi;

- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;

- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa học sinh, sinh viên khác;

- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi;

- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường;

- Dùng bài kiểm tra, bài thi của học sinh, sinh viên khác để nộp;

- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi;

Học sinh, sinh viên sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Thọ